

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN VĨNH TƯỜNG
TỈNH VĨNH PHÚC**

Bản án số: 01/2022/DS - ST

Ngày 15 - 3 - 2022

V/v Tranh chấp hợp đồng vay tài sản

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VĨNH TƯỜNG, TỈNH VĨNH PHÚC

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Hoàng Thị Quỳnh.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phan Duy Lục

2. Ông Phùng Văn Thông

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Xuân Chín - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Tường, tỉnh Vĩnh Phúc.

Ngày 15 tháng 3 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Tường xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số: 98/2021/TLST - DS ngày 27 tháng 12 năm 2021 về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 14/2022/QĐXXST- DS ngày 25 tháng 02 năm 2022, giữa các đương sự:

* *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1978 (có mặt).

Địa chỉ: Thôn 3, xã Đ, huyện Vĩnh Tường, tỉnh Vĩnh Phúc.

* *Bị đơn:* Anh Vũ Anh T, sinh năm 1986, (có mặt).

Địa chỉ: Thôn P, xã T, huyện Vĩnh Tường, tỉnh Vĩnh Phúc.

* *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Ông Chu Văn N, sinh năm 1967, (vắng mặt).

Địa chỉ: Thôn 3, xã Đ, huyện Vĩnh Tường, tỉnh Vĩnh Phúc.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Trong đơn khởi kiện đề ngày 13 tháng 12 năm 2021 và những lời khai tiếp theo nguyên đơn bà Nguyễn Thị H trình bày:

Do có mối quan hệ quen biết nên ngày 28/8/2020, anh Vũ Anh T, sinh năm 1986, địa chỉ: Thôn P, xã T, huyện Vĩnh Tường, tỉnh Vĩnh Phúc có hỏi vay bà số tiền 270.000.000đồng. Khi vay, hai bên có lập giấy vay tiền đề ngày 28/8/2020 và anh T có hẹn đến ngày 28/4/2021 sẽ có trách nhiệm hoàn trả cho bà toàn bộ số tiền đã vay. Tuy nhiên, đến nay đã quá thời hạn như trong giấy vay, anh T vẫn chưa trả được cho bà khoản tiền nào trong số tiền 270.000.000đồng.

Nay bà đề nghị Tòa án giải quyết buộc anh Vũ Anh T phải có trách nhiệm trả nợ cho vợ chồng bà toàn bộ số tiền đã vay là 270.000.000đồng. Bà không yêu cầu anh T phải trả lãi đối với số tiền trên.

- *Bị đơn anh Vũ Anh T trình bày:* Ngày 28/8/2020, anh có vay của bà Nguyễn Thị H số tiền 270.000.000đồng, anh có hẹn đến ngày 28/4/2021, sẽ trả cho bà H. Hiện tại, do kinh tế khó khăn nên anh chưa trả được số tiền trên cho bà H. Anh nhất trí trả số tiền 270.000.000đồng cho bà H nhưng xin được trả dần, mỗi quý trả 15.000.000đồng.

Mục đích anh vay số tiền trên là do anh chơi bời dẫn đến nợ nần nên anh vay tiền bà H để chi tiêu cá nhân và trang trải nợ nần của cá nhân anh, không chi tiêu chung gì trong gia đình, không liên quan gì đến vợ anh. Quá trình anh công tác tại đơn vị do anh chơi bời nợ nần nên anh không gửi được tiền về cho gia đình, vợ con. Mọi chi tiêu sinh hoạt và các công việc trong gia đình đều do vợ anh gánh vác, anh không hỗ trợ được gì. Thời điểm anh vay tiền bà H thì gia đình không xây dựng, sửa chữa, kiến thiết hay mua bán tài sản gì có giá trị. Nay anh đề nghị bà H tạo điều kiện cho anh được trả dần số tiền trên. Khi vay tiền của bà H anh và bà H có thỏa thuận lãi suất là 1%/tháng anh cũng không nhớ chính xác đã trả lãi cho bà H được bao nhiêu tiền rồi nhưng anh không có tài liệu, chứng cứ gì chứng minh. Nay anh tự nguyện không yêu cầu Tòa án xem xét đối với khoản tiền lãi mà anh đã trả cho bà H.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Chu Văn N trình bày:* Ông là chồng bà H, trước đây ông đi công tác tại Kho K28- Quân khu II; bà H ở nhà đi chợ buôn bán. Hàng tháng ông có chu cấp tiền sinh hoạt, chi tiêu cho mẹ con bà H mỗi tháng khoảng 2 triệu đồng, còn lại do bà H lo liệu. Ông và bà H độc lập về kinh tế, tiền lương của ông thì ông cất giữ, tiền của bà H do bà H cất giữ, mỗi bên chỉ đóng góp một ít vào để chi tiêu sinh hoạt chung trong gia đình, còn của ai thì người ấy cất giữ. Việc bà H có bao nhiêu tiền thì ông cũng không nắm được, cũng như việc bà H cho anh T vay tiền ban đầu thì ông không biết, sau đó mới đây thấy bà H nói chuyện là có cho anh T vay số tiền 270.000.000đ vì nghĩ anh T cùng đơn vị với ông và lại cùng quê, ông cũng chỉ biết như vậy thôi. Nay bà H khởi kiện yêu cầu anh T trả số tiền 270.000.000đ, quan điểm của ông đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định pháp luật để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bà H. Vì đây là tiền riêng của bà H tích cóp được, không phải là tiền chung của hai vợ chồng. Việc vay nợ là việc cá nhân giữa bà H và anh T, ông không liên quan gì, ông đề nghị Tòa án giải quyết, xét xử vụ án vắng mặt.

Về án phí: Các đương sự phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà. Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thẩm quyền: Đây là vụ án “Tranh chấp về hợp đồng vay tài sản” giữa bà Nguyễn Thị H với anh Vũ Anh T theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ

luật Tổ tụng dân sự. Bị đơn anh Vũ Anh T, cư trú tại thôn P, xã T, huyện Vĩnh Tường, tỉnh Vĩnh Phúc nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Tường theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]. Xét yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị H yêu cầu Tòa án buộc anh Vũ Anh T phải trả số tiền là 270.000.000đồng (Hai trăm bảy mươi triệu đồng), Hội đồng xét xử xét thấy:

Tại giấy vay tiền đề ngày 28/8/2020 thể hiện anh T vay bà H số tiền 270.000.000đ, không thỏa thuận về lãi suất; thời hạn vay đến ngày 28/4/2021, anh T phải trả số tiền còn nợ cho bà H. Về phía anh T thừa nhận có vay của bà H số tiền 270.000.000đ, thời hạn trả là ngày 28/4/2021, đến nay anh chưa trả được cho bà H đồng nào trong số tiền 270.000.000đ. Giấy vay tiền bà H giao nộp cho Tòa án đúng là giấy vay tiền do bà H và anh cùng lập khi anh vay tiền bà H và anh ký tên người vay tiền. Do đó hợp đồng dân sự về vay tài sản giữa bà H và anh T là hợp pháp.

Quá trình giải quyết vụ án, bà H chỉ yêu cầu anh T là người có trách nhiệm trả cho bà số tiền trên, ngoài ra bà không yêu cầu ai khác đứng ra trả nợ cùng anh T. Anh T trình bày, do anh chơi bời dẫn đến nợ nần nên mục đích anh vay số tiền trên là để chi tiêu cá nhân trong quá trình công tác tại đơn vị tại Tuyên Quang, không chi tiêu chung gì trong gia đình, không liên quan gì đến vợ anh. Khi anh vay tiền bà H thì gia đình anh không xây dựng, sửa chữa, kiến thiết hay mua bán tài sản gì có giá trị. Khi công tác tại đơn vị anh cũng không gửi được đồng nào về cho vợ con. Mọi chi tiêu sinh hoạt và các công việc trong gia đình đều do vợ anh gánh vác, anh không hỗ trợ được gì. Chị Nguyễn Thị Thu T là vợ anh T cũng trình bày: Sau khi Tòa án gửi giấy báo về cho gia đình thì chị mới biết anh T nợ bà H số tiền 270.000.000đ. Tuy nhiên khi anh T vay bà H số tiền trên thì chị và con cái không được bàn bạc gì, không ký vào bất kỳ giấy tờ gì. Từ khi lấy anh T về do anh T nói thu nhập của anh thấp nên mọi chi tiêu, sinh hoạt và các công việc lớn nhỏ trong gia đình đều do một mình chị đứng ra chi tiêu, lo liệu vì chị cũng đi làm có lương, anh T không đưa cho chị đồng nào. Từ khi chị và anh T kết hôn, chị và anh T cũng không xây dựng, kiến thiết hay mua bán được tài sản chung gì. Do đó chị xác định đây là khoản vay riêng của anh T, chị không liên quan gì. Về phía đơn vị Kho K28-Quân khu II - nơi anh T công tác trước đây cũng trình bày: Năm 2020 anh T vẫn đang công tác tại đơn vị và không có vi phạm gì, anh T đã ra quân từ tháng 8/2021. Đơn vị đã làm thủ tục ra quân và chuyển sinh hoạt đảng cho anh T về địa phương nơi anh T cư trú và sinh sống, còn việc khi về địa phương anh T có tham gia sinh hoạt đảng tại chi bộ ở địa phương không thì đơn vị không nắm được. Hiện nay thể Đảng viên của anh T do anh T cất giữ. Cuối năm 2020 sau khi bà H đến đơn vị phản ánh việc anh T vay tiền bà H số tiền 270.000.000đ thì đơn vị mới biết, đơn vị có mời bà H và anh T lên làm việc, anh T có thừa nhận vay

của bà H số tiền 270.000.000đ, do anh đầu tư phát triển kinh tế bị thua lỗ nên chưa thanh toán được cho bà H số nợ trên, anh T không nói gì với đơn vị việc vay nợ bà H số tiền trên. Đây là việc vay nợ cá nhân giữa anh T và bà H, không liên quan gì đến đơn vị. Đối với ông Chu Văn N là chồng bà H, quá trình giải quyết vụ án, ông N trình bày: Giữa ông và bà H độc lập về kinh tế, ai có người ấy cất giữ, do vậy việc bà H cho anh T vay số tiền 270.000.000đ đó là tiền riêng do bà H tích góp được không phải là tiền chung của hai vợ chồng, là việc cá nhân giữa bà H và anh T, ông không liên quan gì. Từ những nhận định phân tích trên, có căn cứ để xác định anh T còn nợ bà H số tiền 270.000.000đ và đây là khoản vay của cá nhân anh T nên anh T phải có trách nhiệm trả nợ cho bà H. Tại phiên tòa anh T đồng ý trả tiền cho bà H nhưng xin được trả dần số tiền 270.000.000đồng, mỗi quý trả 15.000.000đồng. Tuy nhiên bà H không đồng ý về việc anh T xin được trả dần số tiền 270.000.000đồng. Vì vậy, cần chấp nhận yêu cầu của bà Nguyễn Thị H buộc anh Vũ Anh T phải trả nợ cho bà H số tiền 270.000.000đồng (Hai trăm bảy mươi triệu đồng).

[3]. Về lãi suất: Tại giấy vay tiền ngày 28/8/2020, hai bên không thỏa thuận lãi suất. Tại phiên tòa bà H và anh T đều trình bày hai bên thỏa thuận lãi suất là 1%, anh T đã trả lãi được cho bà H từ tháng 8/2020 đến tháng 12/2020, từ đó đến nay anh T không trả cho bà H được số tiền lãi nào nữa. Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, bà H không yêu cầu anh T phải trả tiền lãi đối với số tiền 270.000.000đ, anh T cũng tự nguyện không yêu cầu Tòa án xem xét đối với khoản lãi mà anh đã trả cho bà H từ tháng 8/2020 đến tháng 12/2020. Do đó Hội đồng xét xử không xem xét.

Đối với thẻ đảng viên số thẻ 77315357 mang tên anh Vũ Anh T do anh T để lại chỗ bà H để làm tin khi anh T vay số tiền 270.000.000đ của bà H, quá trình giải quyết vụ án bà H trình bày đã trả lại cho anh T để anh T làm thủ tục ra quân. Phía đơn vị nơi anh T công tác trước đây cũng trình bày: Anh T đã ra quân từ tháng 8/2021. Đơn vị đã làm thủ tục ra quân và chuyển sinh hoạt đảng cho anh T về địa phương nơi anh T cư trú và sinh sống. Hiện nay thẻ Đảng viên của anh T do anh T cất giữ. Anh T cũng đã thừa nhận khi ra quân anh không tham gia sinh hoạt đảng tại địa phương, thẻ Đảng viên hiện nay anh là người cất giữ nhưng anh đã làm mất. Tại phiên tòa bà H nhất trí việc anh T đang quản lý và cất giữ đối với thẻ đảng viên này vì anh T đã thừa nhận khoản nợ và hiện thẻ Đảng viên này anh T đã làm mất nên bà cũng không đề nghị gì. Do vậy Hội đồng xét xử không xem xét.

[4]. Về án phí dân sự sơ thẩm: Anh Vũ Anh T phải chịu án phí 5% giá trị tài sản tranh chấp là 270.000.000đồng x 5% = 13.500.000đồng (Mười ba triệu năm trăm nghìn đồng). Bà Nguyễn Thị H không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm nên được hoàn trả lại tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ vào các Điều 357, Điều 463, khoản 1, 4 Điều 466, Điều 468 và Điều 470 Bộ luật Dân sự năm 2015; Khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 về án phí, lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị H.

- Buộc anh Vũ Anh T phải trả cho bà Nguyễn Thị H số tiền 270.000.000đồng (Hai trăm bảy mươi triệu đồng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, bà Nguyễn Thị H có đơn yêu cầu thi hành án, nếu anh T không thanh toán khoản tiền nêu trên thì còn phải chịu lãi theo quy định tại Điều 357 và khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015, đối với số tiền chậm trả tại thời điểm thanh toán.

- Về án phí dân sự sơ thẩm: Anh Vũ Anh T phải chịu 13.500.000đồng (Mười ba triệu năm trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả bà Nguyễn Thị H 6.750.000đồng (Sáu triệu bảy trăm năm mươi nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai thu số: 0005356 ngày 27 tháng 12 năm 2021 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Vĩnh Tường, tỉnh Vĩnh Phúc.

2. Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

3. Về việc thi hành án: Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Vĩnh Tường;
- Chi cục THADS huyện Vĩnh Tường;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ + Văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Đã ký

Hoàng Thị Quỳnh

